TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Văn Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hiển và bà Bùi Thị Qua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị X, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* anh Nình A Y, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt – không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị (Trần Thị X) và anh Nình A Y được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2011 tại UBND xã P, huyện T. Sau khi kết hôn chị và anh Y chung sống tại thôn K, xã Đ, huyện T. Quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận cho đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nình A Y uống rượu, dùng vũ lực, bạo hành và nhiều lần chửi mắng xúc phạm chị. Vì các con chị đã nhiều lần nhẫn nhịn, khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, vợ chồng căng thẳng với nhau

ảnh hưởng tới sự phát triển của các con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được cán bộ thôn K hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 01/2017 chị đã làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Y tại Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án đã thụ lý vụ án, qua công tác hòa giải tại Tòa án và anh Y hứa sửa đổi nên chị đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để gia đình đoàn tụ, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 04/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2017. Sau đó anh Y vẫn tiếp tục rượu chè, đánh đập, chửi mắng chị nhiều lần. Từ tháng 4/2019 chị và anh Y đã sống ly thân với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Y nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Chị và anh Nình A Y có 02 con chung tên là Nình Xuân Z – sinh ngày 11/4/2012 và Nình Gia W – sinh ngày 24/12/2014.

Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nình Xuân Z; anh Phật được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nình Gia W cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị và anh Y không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Nình A Y tự thỏa thuận, không có nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28/8/2019 chị Trần Thị X có đơn đề nghị nội dung cháu Nình Xuân Z đang học lớp 2 tại trường tiểu học Đ, nhưng anh Y không cho cháu Z đi học, ảnh hưởng đến quyền lợi của cháu.

* Bị đơn là anh Nình A Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Y không hợp tác, không chấp hành quy định của pháp luật và không có văn bản thể hiện quan điểm.

Tại phiên toà, chị Trần Thị X khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Y.

Tòa án đã thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị X và anh Nình A Y thể hiện: chị X và anh Y có kết hôn hợp pháp, sinh sống tại tại phương, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y thường uống rượu say, chửi mắng, xúc phạm danh dự của chị X, có lần ném quần áo của chị X ra khỏi nhà, thôn xóm và công an xã đã phải tiến hành can thiệt, hòa giải tình cảm cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị X và anh Y sống ly thân với nhau; về con chung: Xác nhận đúng như chị X trình bày. Hiện nay chị X trực tiếp nuôi cháu Nình Xuân Z và anh Y trực tiếp nuôi cháu Nình Gia W. Chị X và anh Y đều có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, đảm bảo việc trực tiếp nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật

Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật về việc có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh Y theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Mâu thuẫn của chị X và anh Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chị Trần Thị X được ly hôn anh Nình A Y; về việc nuôi con chung: Giao con chung Nình Xuân Z - sinh ngày 11/4/2012 cho chị Trần Thị X được quyền trực tiếp nuôi; giao con chung Nình Gia W – sinh ngày 24/12/2014 cho anh Nình A Y được quyền trực tiếp nuôi đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); về tài sản chung: chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về án phí: Chị X được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Anh Nình A Y – là: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Nguyên đơn chị Trần Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Y, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Như vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nình A Y đã được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng anh Nình A Y không hợp tác, không đến Tòa án và không có văn bản thể hiện quan điểm. Ngày 27 tháng 9 năm 2019 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ và đã tống đạt hợp lệ quyết định trên cho anh Nình A Y nhưng tại phiên toà ngày 14 tháng 10 năm 2019 anh Y vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 05/2019/QĐST-HNGĐ và ấn định phiên tòa được mở lại vào ngày 30/10/2019. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh

Y. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nình A Y tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đây là vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Chính quyền địa phương nơi chị Trần Thị X và anh Nình A Y chung sống để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị X và anh Nình A Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 14/10/2011 đúng theo quy định tại Điều 9, 11, 12, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Chị Thàm xác nhận cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận đến cuối năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn do lỗi của anh Nình A Y. Anh Y thường uống rượu say, chửi mắng, đánh đập và đuổi chị khỏi nhà. Mâu thuẫn giữa chị X và anh Y đã diễn ra từ cuối năm 2014 đến nay. Đầu năm 2017 chị X đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Y, qua công tác hòa giải tại Tòa án, anh Y đã hứa sửa đổi và không chửi mắng, đánh đập vợ con nên chị X đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện để gia đình về đoàn tụ, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 04/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2017. Tuy nhiên từ thời điểm đó anh Y vẫn không thay đổi cách sống vẫn tiếp tục rượu chè, đối xử tệ bạc với chị X, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh chị chung sống, thể hiện chị X và Y có kết hôn hợp pháp, sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn diễn ra từ nhiều năm đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y thường có hành vi uống rượu say, chửi mắng, xúc phạm danh dự của chị X, có lần ném quần áo của chị X ra khỏi nhà, thôn xóm và công an xã đã phải tiến hành can thiệt, hòa giải nhưng không thành. Nay chị X không còn sống chung với anh Y.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nình A Y vắng mặt (không có lý do) và không có văn bản thể hiện quan điểm nên anh Y không có quan điểm về việc chị Trần Thị X yêu cầu ly hôn anh. Việc này chứng minh anh Y không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Y bỏ mặc chị X, không quan tâm đến cuộc sống chung và hạnh phúc vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn do lỗi của anh Y. Anh Y thường uống rượu say, chửi mắng, đánh đập và đối xử tệ bạc với chị X. Từ những phân tích trên, thấy tình cảm vợ chồng thực sự không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị X là cần thiết.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị X và anh Nình A Y có 02 con chung tên là Nình Xuân Z – sinh ngày 11/4/2012 và Nình Gia W – sinh ngày 24/12/2014.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nình Xuân Z; anh Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nình Gia W cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị X và anh Y không ai phải cấp dưỡng nuôi con; cháu Nình Xuân Z có lời khai muốn ở với chị X. Chị X và anh Y đều có công việc làm, chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo việc trực tiếp nuôi con mà không cần ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị X đang trực tiếp nuôi cháu Z và anh Y đang trực tiếp nuôi cháu W. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Nình Xuân Z – sinh ngày 11/4/2012 cho chị Trần Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nình Gia W – sinh ngày 24/12/2014 cho anh Nình A Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên. Chị X và anh Y không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: chị Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị X dân tộc Sán Chỉ, là người dân tộc thiểu số, cư trú tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (theo quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ thướng Chính phủ, thôn K, xã Đ là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) và có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Nình A Y.

2. Về con chung: Giao con chung Nình Xuân Z – sinh ngày 11/4/2012 cho chị Trần Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nình Gia W – sinh ngày 24/12/2014 cho anh Nình A Y được quyền trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị X và anh Y không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị X không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị X có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, QĐ.

Kim Văn Sơn